

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Lực.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T – Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện T (Theo Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022) (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn B, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962 (Có mặt).

+ Anh Trần Minh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

+ Anh Trần Văn A, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

+ Anh Trần Bình K, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng N có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 18/8/2021, ông Trần Văn B đã ký Hợp đồng tín dụng số 6910LAV202101356 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Tiền Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 70.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, mục đích để đầu tư cho phương án chăn nuôi bò giống 05 con, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/8/2024, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 11,75%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông B số tiền 70.000.000 đồng cùng ngày 18/8/2021.

Ngày 15/8/2017, bà Phạm Thị N (vợ ông B) và anh Trần Minh T (con ông B) có ký Giấy ủy quyền số NA3270328, được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 407, quyền số 01 SCT-CK-ĐC cho ông B là người đại diện thay mặt bà N, anh T để xác lập, thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch tài sản đảm bảo tiền vay và các giao dịch khác có liên quan đến tiền vay của Agribank (tên viết tắt của Ngân hàng N) theo quy định pháp luật, Giấy ủy quyền có giá trị 10 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền ký hoặc đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ có liên quan ủy quyền với Agribank.

Sau khi giải ngân, bên vay có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo định kỳ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, ông B chỉ thanh toán được nợ gốc 1.000.000 đồng và tiền lãi 8.787.902 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà N, anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 69.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, lãi tạm tính đến ngày 03/10/2023 là 9.262.487 đồng. Thực hiện việc trả nợ gốc và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi vay tiền, ông B có giao cho Ngân hàng giữ 01 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16 ngày 26/11/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Trần Văn B. Do đó, ngay khi ông B, bà N, anh T thanh toán xong các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý hoàn trả lại Bản chính giấy chứng nhận nêu trên.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông B thừa nhận ông có vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng. Hiện tại ông B bị bệnh và không có tiền để trả cho Ngân hàng. Ông B thống nhất có nợ Ngân hàng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Trước đây bà N có ký tên cho ông B vay một lần với số tiền 20.000.000 đồng nhưng không biết lý do gì ông B vay được số tiền 70.000.000 đồng nên đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà N không đồng ý.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T trình bày:

Anh T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Anh T có ký tên cho ông B vay tiền để giải quyết một số công chuyện. Hiện tại ông B bị bệnh, không có khả năng chi trả. Anh T là người nuôi bệnh, không làm được và cũng không có khả năng chi trả nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn A, anh Trần Bình K mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 29/02/2024 là 13.298.658 đồng. Bà N giữ nguyên ý kiến trình bày. Ông B, anh T, anh A, anh K vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông B, bà N, anh T trả cho Ngân số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T, anh Trần Văn A, anh Trần Bình K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B, anh T, anh A, anh K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị N, anh Trần Minh T phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ của hợp đồng tín dụng số 6910LAV202101356 ngày 18/8/2021, trong đó nợ gốc là 69.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/02/2024 là 13.298.658 đồng. Bị đơn ông B thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng và số tiền còn nợ đối với Ngân hàng. Ngoài ra, mặc dù chỉ ông B trực tiếp giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng mục đích vay tiền để chăn nuôi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà N, anh T với tư cách là vợ và con ông B, đồng thời trước đó ngày 15/8/2017 bà B, anh T đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông B được quyền xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng với thời hạn 10 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền ký hoặc đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông B, bà N, anh T cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là có cơ sở phù hợp với khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông B, bà N, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mặc dù, ông B, bà N là người cao tuổi nhưng trong quá trình tố tụng không có đơn yêu cầu miễn nộp án phí. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà, riêng ông B vắng mặt không lý do tại phiên tòa, không thể hiện yêu cầu miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử không thể xem xét miễn án phí cho ông B, chỉ xem xét miễn án phí cho bà N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[5] Về quyền lợi, nghĩa vụ của anh Trần Văn A, anh Trần Bình K: Anh A và anh K là người có tên trong hộ ông B tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/1997. Do Ngân hàng giữ hộ Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông B nên Tòa án xác định việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh A, anh K và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, anh A, anh K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa có văn bản trình bày ý kiến. Ngoài ra, Ngân hàng xác định ngay khi ông B, bà N, anh T hoàn tất nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng sẽ hoàn trả lại cho ông B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Trần Văn B, bà Phạm Thị N, anh Trần Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vốn là 69.000.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 6910LAV202101356 ngày 18/8/2021 (lãi tạm tính đến ngày 29/02/2024 là 13.298.658 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng*)), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/3/2024, ông B, bà N, anh T còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6910LAV202101356 cho đến khi thanh toán hoàn tất.

Ngay khi ông B, bà N, anh T thanh toán nợ hoàn tất, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn B 01 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16 ngày 26/11/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G Công Tây cấp cho hộ ông Trần Văn B.

2. Án phí:

Ông Trần Văn B, anh Trần Minh T phải liên đới nộp 2.743.289 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn A, anh Trần Bình K không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.956.562 đồng (*Một triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*) theo biên lai thu số 0008733 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm